

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21-9-2020
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Châm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Trang Thị Cẩm Nhuận;**

Bà **Nguyễn Thị Thanh Nga.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Liên Thị Kim Ngân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 263/2020/TLST-HNGĐ, ngày 29-7-2020, về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09-9-2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh Q, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số 318, đường 30/4 ấp A, xã B, thành phố C, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh Q1, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06-7-2020, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh Q trình bày:

Vào ngày 08/5/2006, chị xác lập quan hệ hôn nhân với anh Nguyễn Thanh Q1, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố C. Trong thời gian sống chung anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 24/11/2011 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 07/3/2017 đang sống chung với chị.

Về tài sản chung: Có, nhưng chị không tranh chấp.

Về nợ chung: Không có.

Nguyên nhân xin ly hôn: Vợ chồng sống chung tính tình ngày càng không hợp về nhiều phương diện dẫn đến mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn, không thể sống chung lâu dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị và anh Q1 đã

sống ly thân từ ngày 01/12/2019 đến nay, thời gian ly thân anh, chị không hàn gắn đoàn tụ được nên chị quyết định xin ly hôn.

Nay chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Q1.

Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 24/11/2011 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 07/3/2017, chị không yêu cầu anh Q1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Có, nhưng chị không tranh chấp, nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Q có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Tại bản tự khai bị đơn anh Nguyễn Thanh Q1 trình bày:

Anh và chị Q xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố C. Trong thời gian sống chung anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 24/11/2011 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 07/3/2017 đang sống chung với chị Q.

Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng: Sau ngày cưới anh và chị Q sống ở phường 4, thành phố C. Tháng 6 năm 2020 mẹ ruột anh bị bệnh nên anh phải về ấp M, xã N sống để tiện việc chăm sóc cho mẹ, trước đây chị Q đã gửi đơn lên Tòa 03 lần anh đều năn nỉ vì thương các con nên chị Q đã rút đơn lại, nay anh thấy chị Q không còn thương anh nữa nên anh đồng ý ly hôn với chị Q.

Về con chung: Anh đồng ý giao 02 con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 24/11/2011 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 07/3/2017 cho chị Q nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Q1 có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh Q cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau đây: 01 chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị Thanh Q (photo), 01 sổ hộ khẩu gia đình (photo); 02 giấy khai sinh con; Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Bị đơn không cung cấp chứng cứ.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh Q và anh Nguyễn Thanh Q1 thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Nguyễn Thanh Q1 đồng ý giao 02 con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 24/11/2011 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 07/3/2017 cho chị Nguyễn Thị Thanh Q nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chung tên Nguyễn Ngọc T; Anh Q1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị Q không có yêu cầu.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thanh Q và anh Nguyễn Thanh Q1 thống nhất khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất:

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thanh Q khai có nhưng chị không tranh chấp.

Anh Nguyễn Thanh Q1 khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Nguyễn Thanh Q1 có hộ khẩu thường trú tại huyện T, theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Thanh Q và anh Nguyễn Thanh Q1 kết hôn vào năm 2006 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố C theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Quá trình chung sống anh, chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến anh chị phải sống ly thân theo đơn khởi kiện thì chị Q khai chị và anh Q1 sống ly thân từ ngày 01/12/2019 đến nay, trong thời gian ly thân anh, chị không hàn gắn đoàn tụ được, nên chị Q yêu cầu được ly hôn với anh Q1, còn anh Q1 khai anh và chị Q sống ly thân từ tháng 6 năm 2020 cho đến nay anh đồng ý ly hôn với chị Q. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Q và anh Q1.

[3] *Về con chung:* Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 24/11/2011 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 07/3/2017 đang sống chung với chị Q, chị Q yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung. Cháu Nguyễn Ngọc T có nguyện vọng được sống chung với chị Q. Anh Q1 thống nhất giao 02 con chung cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng. Sự thỏa thuận này của chị Q và anh Q1 là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Anh Q1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị Q không có yêu cầu.

[4] *Về tài sản chung:* Chị Nguyễn Thị Thanh Q khai chị và anh Q1 có tài sản chung nhưng chị không tranh chấp, bị đơn anh Q1 khai anh, chị không có tài sản chung, do các đương sự không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] *Về nợ chung:* Chị Nguyễn Thị Thanh Q và anh Nguyễn Thanh Q1 thống nhất khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, 228, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55 Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh Q.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh Q và anh Nguyễn Thanh Q1.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Thanh Q1 đồng ý giao 02 con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 24/11/2011 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 07/3/2017 cho chị Nguyễn Thị Thanh Q nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chung tên Nguyễn Ngọc T; Anh Q1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị Q không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thanh Q khai chị và anh Q1 có tài sản chung nhưng chị không tranh chấp, bị đơn anh Q1 khai anh, chị không có tài sản chung, do các đương sự không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thanh Q và anh Nguyễn Thanh Q1 thống nhất khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Thanh Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003147, ngày 28-7-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần. Chị Nguyễn Thị Thanh Q đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Thanh Q1 không phải chịu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- CC THADS huyện Tiểu Cần;
- UBND Phường 4, TPTV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Mỹ Châm